

DANH SÁCH HỌC SINH - SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC

Tên môn : **Khí cụ điện**

Học kỳ: 1

Khóa học : CDK2023

Năm học: 2024

Bậc đào tạo : Cao đẳng chính quy

Phòng thi: Phòng C07

Ngày thi : 09/12/2024

Giờ thi: 9.30

Lần thi: 1

STT	SBD	Mã số	Họ và tên	Số phách	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Ghi chú
1	001	23CH1B_01	Nguyễn Nhật Anh	93	1	6,0	Sáu chân		
2	002	23CH1B_02	Trần Quốc Anh	94	1	8,0	Tám chân		
3	003	23CH1B_05	Võ Quốc Anh	95	1	7,0	Bảy chân		
4	004	23CH1A_01	Nguyễn Hoàng Bách	96	1	6,0	Sáu chân		
5	005	23CH1B_06	Hồ Ngô Khánh Bào	97	1	5,0	Năm chân		
6	006	23CH1C_04	Nguyễn Quốc Bào	98	1	4,0	Bốn chân		
7	007	23CH1A_02	Trần Gia Bào	99	1	6,0	Sáu chân		
8	008	23CH1A_03	Trần Huỳnh Quốc Bào	88	1	5,0	Năm chân		
9	009	23CH1C_05	Võ Văn Bi	89	1	6,5	Sáu lười		
10	010	23CH1A_04	Nguyễn Duy Cường	90	1	8,5	Tám lười		
11	011	23CH1B_09	Thái Trung Đan	91	1	6,5	Sáu lười		
12	012	23CH1B_10	Bùi Hải Đăng	92	1	10	Mười		
13	013	23CH1A_10	Lâm Hải Đăng	78	1	5,5	Năm, năm		
14	014	23CH1C_09	Hồ Duy Doan	79	1	6,5	Sáu lười		
15	015	23CH1B_11	Võ Đại Đức	80	1	7,0	Bảy chân		
16	016	23CH1A_07	Đặng Hồ Thế Dũng	81	1	4,0	Bốn chân		X
17	017	23CH1A_08	Phạm Văn Dương	82	1	5,0	Năm chân		
18	018	23CH1B_08	Mai Quốc Duy	83	1	10	Mười		
19	019	23CH1A_11	Bùi Ngọc Hà	84	1	6,0	Sáu chân		
20	020	23CH1A_12	Trần Châu Quý Hải	85	1	5,0	Năm chân		
21	021	23CH1A_13	Lê Bảo Hân	86	1	6,0	Sáu chân		
22	022	23CH1C_10	Nguyễn Phan Mai Hậu	87	1	5,0	Năm chân		
23	023	23CH1A_14	Nguyễn Trung Hậu	73	1	8,0	Tám chân		
24	024	23CH1C_11	Vương Quốc Hiền	74	1	6,5	Sáu lười		
25	025	23CH1C_12	Lư Phúc Minh Hoàng	75	1	6,5	Sáu lười		
26	026	23CH1C_13	Nguyễn Thanh Hoàng	76	1	4,0	Bốn chân		
27	027	23CH1A_17	Ngô Gia Hưng	77	1	5,0	Năm chân		
28	028	23CH1A_15	Lê Huy	68	1	6,0	Sáu chân		
29	029	23CH1A_16	Nguyễn Chánh Huy	69	1	6,0	Sáu chân		
30	030	23CH1C_16	Trần Thanh Huy	70	1	3,0	Ba chân		
31	031	23CH1A_18	Nguyễn Bảo Kha	71	1	5,0	Năm chân		
32	032	23CH1A_19	Hồ Vũ Minh Khang	72	1	5,5	Năm lười		

Tổng số: 32

Số sinh viên có mặt: 32

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 9 tháng 12 năm 20.../

Số bài thi: ...32

DANH SÁCH HỌC SINH - SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC

Tên môn : **Khí cụ điện**

Học kỳ: 1

Khóa học : CDK2023

Năm học: 2024

Bậc đào tạo : Cao đẳng chính quy

Phòng thi: Phòng C08

Ngày thi : 09/12/2024

Giờ thi: 9.30

Lần thi: 1

STT	SBD	Mã số	Họ và tên	Số phách	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Ghi chú
1	033	23CH1B_14	Phạm Thành Khang	59	1	8,0	Tám chân	<i>Thang</i>	
2	034	23CH1A_20	Nguyễn Đăng Khoa	60	1	5,5	Năm chữ	<i>Thao</i>	
3	035	23CH1C_21	Nguyễn Phan Đăng Khoa	61	✓	✓	✓		cảm thi
4	036	23CH1A_21	Trần Đạt Khoa	62	1	6,5	Sáu chữ	<i>Tran</i>	
5	037	23CH1B_16	Trần Hoàng Khương	63	1	6,5	Sáu chữ	<i>Khuong</i>	
6	038	23CH1B_17	Nguyễn Văn Kiệt	64	1	8,0	Tám chân	<i>Kiet</i>	
7	039	23CH1C_22	Tân Văn Kiệt	65	1	6,5	Sáu chữ	<i>Tan</i>	
8	040	23CH1B_18	Đỗ Hoàng Minh	66	1	8,0	Tám chân	<i>Do</i>	
9	041	23CH1B_19	Lê Chí Minh	67	1	5,5	Năm chữ	<i>ML</i>	
10	042	23CH1A_24	Nguyễn Việt Minh	61/68	1	6,0	Sáu chân	<i>Minh</i>	
11	043	23CH1A_25	Lê Hoàng Nam	48	1	4,5	Bốn chữ	<i>Hoang</i>	
12	044	23CH1B_20	Lê Hoàng Nam	49	1	8,0	Tám chân	<i>Hoang</i>	
13	045	23CH1C_23	Nguyễn Thành Nam	50	1	6,0	Sáu chân	<i>Thanh</i>	
14	046	23CH1B_21	Lê Trọng Nghĩa	51	1	2,5	Hai chữ	<i>Trong</i>	
15	047	23CH1A_27	Phạm Trần Khánh Nguyên	52	1	9,0	Chín chân	<i>Pham</i>	
16	048	23CH1B_22	Nguyễn Thị Nhon	53	1	9,0	Chín chân	<i>Nhon</i>	
17	049	23CH1A_28	Triệu Tấn Phát	54	1	6,5	Sáu chữ	<i>Phat</i>	
18	050	23CH1A_29	Trương Tuấn Phát	55	1	5,0	Năm chân	<i>Phat</i>	
19	051	23CH1B_23	Võ Đức Phát	56	1	6,0	Sáu chân	<i>Phat</i>	
20	052	23CH1B_24	Trần Hữu Phong	57	1	5,0	Năm chân	<i>Phong</i>	
21	053	23CH1C_26	Trần Quốc Phong	58	1	4,0	Bốn chân	<i>Phong</i>	
22	054	23CH1C_27	Võ Dương Nhật Phong	59	1	6,0	Sáu chân	<i>Phong</i>	
23	055	23CH1A_30	Nguyễn Trọng Phú	40	1	7,5	Bảy chữ	<i>Truong</i>	
24	056	23CH1C_28	Dương Hoàng Phúc	41	1	6,0	Sáu chân	<i>Phuc</i>	
25	057	23CH1B_25	Nguyễn Ngọc Phúc	42	1	6,5	Sáu chữ	<i>Phuc</i>	
26	058	23CH1B_26	Trần Trọng Phúc	43	1	5,0	Năm chân	<i>Phuc</i>	
27	059	23CH1A_31	Võ Thị Tâm Phúc	44	1	8,5	Tám chữ	<i>Phuc</i>	
28	060	23CH1A_32	Nguyễn Thị Uyên Phương	45	1	8,0	Tám chân	<i>Phuong</i>	
29	061	23CH1A_33	Tạ Hữu Quý	46	1	5,0	Năm chân	<i>Quy</i>	
30	062	23CH1B_27	Tum Tha Ra	47	1	8,0	Tám chân	<i>Ra</i>	

Tổng số: 30

Số sinh viên có mặt: 29

Số sinh vắng mặt: 01

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 9 tháng 12 năm 2024.

Số bài thi: 29

Số tờ giấy thi: 29

DANH SÁCH HỌC SINH - SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC

Tên môn : **Khí cụ điện**
 Khóa học : **CDK2023**
 Bậc đào tạo : **Cao đẳng chính quy**
 Ngày thi : **09/12/2024**

Học kỳ: **1**
 Năm học: **2024**
 Phòng thi: **Phòng C09**
 Giờ thi: **9.30** Lần thi: **1**

STT	SBD	Mã số	Họ và tên	Số phách	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Ghi chú
1	063	23CH1C_29	Ngô Đại Tài						
2	064	23CH1B_29	Trần Bình Tân	31	1	6,0	Sáu chẵn	<i>[Signature]</i>	
3	065	23CH1B_28	Nguyễn Văn Tánh	32	1	5,0	Năm chẵn	<i>[Signature]</i>	
4	066	23CH1B_30	Hồ Nhật Tây	33	1	6,0	Sáu chẵn	<i>[Signature]</i>	
5	067	23CH1C_31	Dương Quốc Thái	34	1	6,0	Sáu chẵn	<i>[Signature]</i>	
6	068	23CH1A_35	Huỳnh Thông Thái	35	1	5,0	Năm chẵn	<i>[Signature]</i>	
7	069	23CH1A_37	Nguyễn Minh Thân	36	1	7,0	Bảy chẵn	<i>[Signature]</i>	
8	070	23CH1C_30	Huỳnh Nhật Thanh	37	1	7,0	Bảy chẵn	<i>[Signature]</i>	
9	071	23CH1A_36	Đình Công Thành	38	1	6,0	Sáu chẵn	<i>[Signature]</i>	
10	072	23CH1C_32	Phạm Văn Thảo	21	1	5,0	Năm chẵn	<i>[Signature]</i>	
11	073	23CH1B_32	Nguyễn Thị Anh Thư	22	1	6,0	Sáu chẵn	<i>[Signature]</i>	
12	074	23CH1A_39	Bùi Minh Thuận	23	1	7,0	Bảy chẵn	<i>[Signature]</i>	
13	075	23CH1B_31	Tạ Ngọc Thuận	24	1	6,0	Sáu chẵn	<i>[Signature]</i>	
14	076	23CH1A_40	Trần Văn Thức	25	1	5,0	Năm chẵn	<i>[Signature]</i>	
15	077	23CH1B_33	Trương Minh Tiến	26	1	6,0	Sáu chẵn	<i>[Signature]</i>	
16	078	23CH1C_35	Nguyễn Đức Tính	27	1	5,0	Năm chẵn	<i>[Signature]</i>	
17	079	23CH1B_34	Nguyễn Quốc Toàn	28	1	5,0	Năm chẵn	<i>[Signature]</i>	
18	080	23CH1B_35	Nguyễn Bảo Trân	29	1	6,0	Sáu chẵn	<i>[Signature]</i>	
19	081	23CH1C_36	Trần Quốc Trị	30	1	6,0	Sáu chẵn	<i>[Signature]</i>	
20	082	23CH1B_36	Huỳnh Quốc Trọng	11	1	5,0	Năm chẵn	<i>[Signature]</i>	
21	083	23CH1B_37	Võ Thái Tú	12	1	7,0	Bảy chẵn	<i>[Signature]</i>	
22	084	23CH1C_37	Trần Tiến Anh Tuấn	13	1	3,0	Ba chẵn	<i>[Signature]</i>	
23	085	23CH1B_38	Nguyễn Thanh Tùng	14	1	5,0	Năm chẵn	<i>[Signature]</i>	
24	086	23CH1B_39	Hồ Huy Trường	15	1	6,0	Sáu chẵn	<i>[Signature]</i>	
25	087	23CH1B_40	Lê Nguyễn Chấn Vĩ	16	1	6,0	Sáu chẵn	<i>[Signature]</i>	
26	088	23CH1A_41	Lê Quang Vinh	17	1	6,0	Sáu chẵn	<i>[Signature]</i>	
27	089	23CH1A_42	Nguyễn Long Vũ	18	1	5,0	Năm chẵn	<i>[Signature]</i>	
28	090	23CH1B_41	Hoàng Trần Khánh Vy	19	1	5,0	Năm chẵn	<i>[Signature]</i>	
29	091	23CH1A_43	Huỳnh Nguyễn Tường Vy	20	1	5,0	Năm chẵn	<i>[Signature]</i>	
30	092	23CH1B_42	Trương Hải Yên	1	1	7,0	Bảy chẵn	<i>[Signature]</i>	

Tổng số: **30**
 Số sinh viên có mặt: **30**
 Số sinh vắng mặt: **0**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 20...

Số bài thi: **30**
 Số tờ giấy thi: **30**

DANH SÁCH MÔN THI - KHÍ CỤ ĐIỆN

Hệ đào tạo: Cao đẳng

9g30 ngày: 09/12/2024

Lớp:

Phòng thi: C.09

Khóa học: CD2023
Lần thi: 1

STT	SBD	LỚP	HỌ VÀ TÊN	Phách	Số tờ	Điểm thi		Ký tên	Ghi chú
						= số	= chữ		
1	93	23CH1B_12	Nguyễn Minh Hoàng	3	1	5,0	Năm chữ		
2	94	23CH1B_13	Hoàng Nguyễn Gia Huy	4	1	5,0	Năm chữ		
3	95	23CH1C_06	Đinh Tiến Đạt	5	1	5,0	Năm chữ		
4	96	23CH1C_14	Nguyễn Văn Hóa	6	1	5,0	Năm chữ		
5	97	23CH1C_17	Đậu Mạnh Hùng	7	1	6,0	Sáu chữ		
6	98	23CH1C_24	Phan Nguyễn Nhật Nam	8	1	5,0	Năm chữ		
7	99	23CH1C_33	Nguyễn Tấn Thọ	9	1	6,0	Sáu chữ		
8	100	23CH1B_36	Thái Nguyễn Thanh Nguyên	10	1	5,0	Năm chữ		

Ngày ... tháng ... năm

Tổng số: 08 học viên

Tổng số học sinh có mặt: 8

Tổng số học sinh vắng mặt: 0

Số bài thi: 8

Số tờ giấy thi: 8

Cán bộ coi thi 1
(Họ tên và chữ ký)

Nguyễn Minh Sơn

Duyệt
Trưởng khoa
(Họ tên và chữ ký)

Nguyễn M. Cường

Cán bộ coi thi 2
(Họ tên và chữ ký)

Nguyễn Thị Ngọc Nguyên

Thư ký khoa
(Họ tên và chữ ký)

Nguyễn Thị Ngọc Nguyên

CÁC HỌC SINH ĐEM THEO THẺ HỌC SINH HOẶC GIẤY TỜ TÙY THÂN KHI VÀO PHÒNG THI

DANH SÁCH HỌC SINH - SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC

Tên môn : Tổ chức sản xuất

Học kỳ: 1

Khóa học : CDK2023

Năm học: 2024

Bậc đào tạo : Cao đẳng chính quy

Phòng thi: Phòng C07

Ngày thi : 11/12/2024

Giờ thi: 7.30

Lần thi: 1

STT	SBD	Mã số	Họ và tên	Số phách	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Ghi chú
1	001	23CH1C_02	Cao Đức Anh	26	1	3,0	Bachan		
2	002	23CH1B_01	Nguyễn Nhật Anh	27	1	4,0	Bên chân		
3	003	23CH1B_02	Trần Quốc Anh	28	1	5,25	Năm, Hải Lãm		
4	004	23CH1B_04	Võ Nguyễn Trâm Anh	29	1	3,0	Bachan		
5	005	23CH1B_05	Võ Quốc Anh	30	1	9,5	Chín lười		
6	006	23CH1A_01	Nguyễn Hoàng Bách	31	1	4,0	Bên chân		
7	007	23CH1B_06	Hồ Ngô Khánh Bảo	32	1	2,0	+lại chân		
8	008	23CH1C_04	Nguyễn Quốc Bảo	33	1	3,25	Ba, Hải Lãm		
9	009	23CH1A_02	Trần Gia Bảo	34	1	4,6	Bên, san		
10	010	23CH1A_03	Trần Huỳnh Quốc Bảo	35	1	4,0	Bên chân		
11	011	23CH1C_05	Võ Văn Bi	16	1	3,0	Ba chân		
12	012	23CH1A_04	Nguyễn Duy Cường	17	1	6,5	Sáu lười		
13	013	23CH1B_09	Thái Trung Đan	18	1	4,5	Bên lười		
14	014	23CH1B_10	Bùi Hải Đăng	19	1	9,5	Chín lười		
15	015	23CH1A_10	Lâm Hải Đăng	20	1	2,0	Hai chân		
16	016	23CH1A_09	Đình Công Đạt	/	/	/	/	/	Vàng
17	017	23CH1C_06	Đình Tiến Đạt	21	1	3,75	Ba, Hải Lãm		
18	018	23CH1C_09	Hồ Duy Doan	22	1	3,0	Bachan		
19	019	23CH1B_11	Võ Đại Đức	23	1	5,0	Năm chân		
20	020	23CH1A_07	Đặng Hồ Thế Dũng	24	1	5,5	Năm lười		
21	021	23CH1A_08	Phạm Văn Dương	25	1	3,75	Hai, bảy lăm		
22	022	23CH1B_08	Mai Quốc Duy	7	1	5,0	Năm chân		
23	023	23CH1A_05	Nguyễn Khánh Duy	8	1	3,5	Ba lười		
24	024	23CH1A_11	Bùi Ngọc Hà	9	1	2,625	Hai, sáu hai lăm		
25	025	23CH1A_12	Trần Châu Quý Hải	10	1	2,75	Hai, bảy lăm		
26	026	23CH1A_13	Lê Bảo Hải	11	1	3,75	Ba, bảy lăm		
27	027	23CH1C_10	Nguyễn Phan Mai Hậu	12	1	5,0	Năm chân		
28	028	23CH1A_14	Nguyễn Trung Hậu	13	1	4,75	Bên bảy lăm		
29	029	23CH1C_11	Vương Quốc Hiền	14	1	3,75	Ba, bảy lăm		
30	030	23CH1C_14	Nguyễn Văn Hòa	15	1	5,0	Năm chân		
31	031	23CH1C_12	Lư Phúc Minh Hoàng	1	1	2,375	Hai, bảy lăm		
32	032	23CH1B_12	Nguyễn Minh Hoàng	2	1	2,5	Hai lười		
33	033	23CH1C_13	Nguyễn Thanh Hoàng	3	1	2,0	Hai chân		
34	034	23CH1C_17	Đậu Mạnh Hùng	4	1	3,25	Ba, hai lăm		

35	035	23CH1A_17	Ngô Gia	Hùng	5	1	4,75	Bến Bàng Lân	<i>[Signature]</i>
36	036	23CH1B_13	Hoàng Nguyễn Gia	Huy	6	1	4,25	Bến Hai Lãm	<i>[Signature]</i>

Tp. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 20...

Tổng số: **36**
Số sinh viên có mặt: $34 + 01 = 35$
Số sinh vắng mặt: 02

Số bài thi: $34 + 01 = 35$
Số tờ giấy thi:

Giám thị 1

[Signature]
N. Ngọc Học

Duyệt
Trưởng khoa

[Signature]
Dương M. Cường

Giám thị 2

[Signature]
Phan T. Phương

Thư ký khoa

[Signature]
Trần Tuyết Ngân

DANH SÁCH HỌC SINH - SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌCTên môn : **Tổ chức sản xuất**Khóa học : **CDK2023**Bậc đào tạo : **Cao đẳng chính quy**Ngày thi : **11/12/2024**Học kỳ: **1**Năm học: **2024**Phòng thi: **Phòng C08**Giờ thi: **7.30**Lần thi: **1**

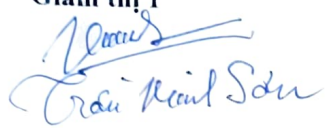
STT	SBD	Mã số	Họ và tên	Số phách	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Ghi chú
1	037	23CH1A_15	Lê Huy						
2	038	23CH1A_16	Nguyễn Chánh Huy	98	1	4,0	Bách chân	Thuy	
3	039	23CH1C_16	Trần Thanh Huy	99	1	3,0	Bách chân	Huy	
4	040	23CH1A_18	Nguyễn Bảo Kha	100	1	2,25	Hải, hải làm	Ho	
5	041	23CH1A_19	Hồ Vũ Minh Khang	101	1	4,25	Bến, hải làm	Kh	
6	042	23CH1B_14	Phạm Thành Khang	102	1	4,25	Bến, hải làm	Khong	
7	043	23CH1A_20	Nguyễn Đăng Khoa	103	2	10	Mười	Khong	
8	044	23CH1A_21	Trần Đạt Khoa	104	1	8,25	Sáu, hải làm	Thuy	
9	045	23CH1B_16	Trần Hoàng Khương	105	1	4,25	Bến, hải làm	Kh	
10	046	23CH1A_22	Nguyễn Tấn Kiệt	95	1	4,5	Bến lười	Khong	
11	047	23CH1B_17	Nguyễn Văn Kiệt	96	1	4,5	Bến lười	Phu	
12	048	23CH1C_22	Tân Văn Kiệt	97	1	6,25	Sáu, sáu hải làm	Kh	
13	049	23CH1B_18	Đỗ Hoàng Minh	—	—	—	—	—	Vấn
14	050	23CH1B_19	Lê Chí Minh	86	1	6,75	Sáu, bảy làm	Minh	
15	051	23CH1A_23	Nguyễn Đông Minh	87	1	3,0	Bách chân	Minh	
16	052	23CH1A_24	Nguyễn Việt Minh	88	1	3,0	Bách chân	Minh	
17	053	23CH1A_25	Lê Hoàng Nam	89	1	3,5	Bách lười	Minh	
18	054	23CH1B_20	Lê Hoàng Nam	90	1	3,75	Bách, bảy làm	Minh	
19	055	23CH1C_23	Nguyễn Thành Nam	91	1	4,5	Bến lười	Minh	
20	056	23CH1C_24	Phan Nguyễn Nhật Nam	92	1	2,0	Hải chân	Minh	
21	057	23CH1B_21	Lê Trọng Nghĩa	93	1	3,0	Bách chân	Minh	
22	058	23CH1A_27	Phạm Trần Khánh Nguyên	94	1	3,75	Bách, bảy làm	Minh	
23	059	22CH1B_36	Thái Nguyễn Thanh Nguyên	78	1	4,25	Bến, hải làm	Nguyên	
24	060	23CH1B_22	Nguyễn Thị Nhon	79	1	2,25	Hải, hải làm	Thuy	
25	061	23CH1A_28	Triệu Tấn Phát	80	1	4,25	Bến hải làm	Phu	
26	062	23CH1A_29	Trương Tuấn Phát	81	1	4,5	Bến lười	Phu	
27	063	23CH1B_23	Võ Đức Phát	82	1	4,75	Bến, bảy làm	Phu	
28	064	23CH1B_24	Trần Hữu Phong	83	1	4,5	Bến lười	Phu	
29	065	23CH1C_26	Trần Quốc Phong	84	1	3,5	Bách lười	Phu	
30	066	23CH1C_27	Võ Dương Nhật Phong	85	1	2,25	Hải, hải làm	Phu	
31	067	23CH1C_27	Võ Dương Nhật Phong	71	1	4,875	Bến, bảy làm	Phu	
32	068	23CH1A_30	Nguyễn Trọng Phú	72	2	4,5	Bến lười	Phu	
33	069	23CH1C_28	Dương Hoàng Phúc	73	1	3,0	Bách chân	Phu	
34	070	23CH1B_25	Nguyễn Ngọc Phúc	74	1	3,75	Hải, bảy làm	Phu	
35	070	23CH1B_26	Trần Trọng Phúc	75	1	5,625	Năm, sáu hải làm	Phu	

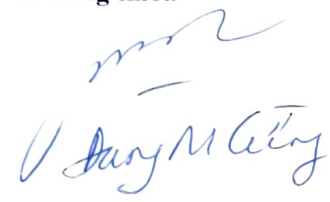
35	071	23CH1A_31	Võ Thị Tâm	Phúc	76	1	4,375	Bến, bả bít lạt	Phúc
36	072	23CH1A_32	Nguyễn Thị Uyên	Phương	77	1	4,5	Điền viên	Ph

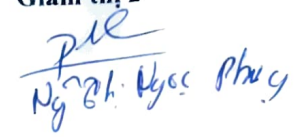
Tổng số: **36**
Số sinh viên có mặt: **35**
Số sinh vắng mặt: **1**

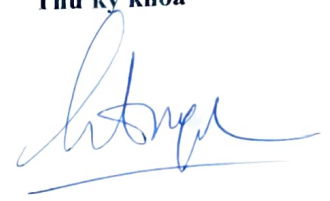
Tp. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 20...

Số bài thi: **35**
Số tờ giấy thi: **37**

Giám thị 1

Trần Hải Sơn

Duyệt
Trưởng khoa

Dương M Cường

Giám thị 2

Nguyễn Ngọc Phương

Thư ký khoa

Hồng Nguyệt Ngân

DANH SÁCH HỌC SINH - SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC

Tên môn : **Tổ chức sản xuất**
 Khóa học : **CDK2023**
 Cấp đào tạo : **Cao đẳng chính quy**
 Ngày thi : **11/12/2024**

Học kỳ: **1**
 Năm học: **2024**
 Phòng thi: **Phòng C09**
 Giờ thi: **7.30** Lần thi: **1**

STT	SBD	Mã số	Họ và tên	Số phách	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Ghi chú
1	073	23CH1A_33	Tạ Hữu Quý	66	1	3,75	Ba, bảy lăm	<i>Aug</i>	
2	074	23CH1B_27	Tum Tha Ra	67	1	3,25	Ba, hai lăm	<i>Aug</i>	
3	075	23CH1C_29	Ngô Đại Tài	68	1	4,25	Bốn, hai lăm	<i>Aug</i>	
4	076	23CH1A_34	Nguyễn Ngọc Tân	69	1	4,25	Bốn, hai lăm	<i>Aug</i>	
5	077	23CH1B_29	Trần Bình Tân	70	1	3,25	Ba, hai lăm	<i>Aug</i>	
6	078	23CH1B_28	Nguyễn Văn Tánh	58	1	3,5	Ba rưỡi	<i>Aug</i>	
7	079	23CH1B_30	Hồ Nhựt Tây	59	1	2,25	Hai, hai lăm	<i>Aug</i>	
8	080	23CH1C_31	Dương Quốc Thái	60	1	2,25	Hai, hai lăm	<i>Aug</i>	
9	081	23CH1A_35	Huỳnh Thông Thái	61	1	3,75	Ba, bảy lăm	<i>Aug</i>	
10	082	23CH1A_37	Nguyễn Minh Thân	62	1	4,25	Bốn, hai lăm	<i>Aug</i>	
11	083	23CH1C_30	Huỳnh Nhựt Thanh	63	1	4,75	Bốn, bảy lăm	<i>Aug</i>	
12	084	23CH1A_36	Đình Công Thành	64	1	2,25	Hai, hai lăm	<i>Aug</i>	
13	085	23CH1C_32	Phạm Văn Thảo	65	1	5,5	Năm rưỡi	<i>Aug</i>	
14	086	23CH1C_33	Nguyễn Tấn Thọ	51	1	4,5	Bốn rưỡi	<i>Aug</i>	
15	087	23CH1A_38	Phạm Trường Thọ	52	1	3,5	Ba rưỡi	<i>Aug</i>	
16	088	23CH1B_32	Nguyễn Thị Anh Thư	53	2	4,75	Bốn, bảy lăm	<i>Aug</i>	
17	089	23CH1A_39	Bùi Minh Thuận	54	1	3,5	Ba rưỡi	<i>Aug</i>	
18	090	23CH1B_31	Tạ Ngọc Thuận	55	1	4,75	Bốn, bảy lăm	<i>Aug</i>	
19	091	23CH1A_40	Trần Văn Thúc	56	1	5,5	Năm rưỡi	<i>Aug</i>	
20	092	23CH1B_33	Trương Minh Tiến	57	1	4,25	Bốn, hai lăm	<i>Aug</i>	
21	093	23CH1C_35	Nguyễn Đức Tỉnh	43	1	3,25	Ba, hai lăm	<i>Aug</i>	
22	094	23CH1B_34	Nguyễn Quốc Toàn	44	1	3,75	Ba, bảy lăm	<i>Aug</i>	
23	095	23CH1B_35	Nguyễn Bảo Trân	45	1	3,25	Ba, hai lăm	<i>Aug</i>	
24	096	23CH1C_36	Trần Quốc Trị	46	1	4,5	Bốn rưỡi	<i>Aug</i>	
25	097	23CH1B_36	Huỳnh Quốc Trọng	47	1	6,25	Sáu hai lăm	<i>Aug</i>	
26	098	23CH1B_37	Võ Thái Tú	48	1	4,0	Bốn chẵn	<i>Aug</i>	
27	099	23CH1C_37	Trần Tiến Anh Tuấn	49	1	7,75	Bảy, bảy lăm	<i>Aug</i>	
28	100	23CH1B_38	Nguyễn Thanh Tùng	50	1	6,5	Sáu rưỡi	<i>Aug</i>	
29	101	23CH1B_39	Hồ Huy Trường	36	1	6,5	Sáu rưỡi	<i>Aug</i>	
30	102	23CH1B_40	Lê Nguyễn Chấn Vĩ	37	1	5,5	Năm rưỡi	<i>Aug</i>	
31	103	23CH1A_41	Lê Quang Vinh	38	1	4,75	Bốn, bảy lăm	<i>Aug</i>	
32	104	23CH1A_42	Nguyễn Long Vũ	39	1	3,0	Ba chẵn	<i>Aug</i>	
33	105	23CH1B_41	Hoàng Trần Khánh Vy	40	1	6,5	Sáu rưỡi	<i>Aug</i>	
34	106	23CH1A_43	Huỳnh Nguyễn Tường Vy	41	1	7,5	Bảy rưỡi	<i>Aug</i>	

35

107

23CH1B_42

Trương Hải

Yến

42

1515

Năm học

2024

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 12 năm 2024

Tổng số: 35

Số sinh viên có mặt: 35

Số sinh vắng mặt: 0

Số bài thi: 35

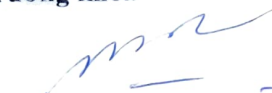
Số tờ giấy thi: 36

Giám thị 1



Nguyễn Hồng Ngọc

Duyệt


Trưởng khoa


Dương M Cường

Giám thị 2


Ngô Hoàng Thanh

Thư ký khoa


Hồng Tuyết Ngân

DANH SÁCH HỌC SINH - SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC

Tên môn : **Kỹ thuật cao áp**

Học kỳ: 1

Khóa học : CDK2023

Năm học: 2024

Bậc đào tạo : Cao đẳng chính quy

Phòng thi: 008

Ngày thi : 13/12/2024

Giờ thi: 7.30

Lần thi: 1

STT	SBD	Mã số	Họ và tên	Số phách	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Ghi chú
1	036	23CH1A_27	Phạm Trần Khánh Nguyên	59	1	3,5	Ba rưỡi	nguyen	
2	037	22CH1B_36	Thái Nguyễn Thanh Nguyên	60	1	4,5	Bốn rưỡi	thai	
3	038	23CH1A_29	Trương Tuấn Phát	61	1	5,0	Năm chẵn	phat	
4	039	23CH1B_24	Trần Hữu Phong	62	1	4,0	Bốn chẵn	phong	
5	040	23CH1C_26	Trần Quốc Phong	63	1	3,0	Ba chẵn	phong	
6	041	23CH1C_27	Võ Dương Nhật Phong	64	1	4,0	Bốn chẵn	phong	
7	042	23CH1A_30	Nguyễn Trọng Phú	65	1	2,5	Hai rưỡi	trung	
8	043	23CH1C_28	Dương Hoàng Phúc	66	1	1,0	Một chẵn	phuc	
9	044	23CH1B_25	Nguyễn Ngọc Phúc	67	1	0,0	Không	phuc	
10	045	23CH1B_26	Trần Trọng Phúc	68	1	3,0	Ba chẵn	phuc	
11	046	23CH1A_31	Võ Thị Tâm Phúc	51	1	3,0	Ba chẵn	phuc	
12	047	23CH1A_32	Nguyễn Thị Uyên Phương	52	1	4,5	Bốn rưỡi	phuong	
13	048	23CH1A_33	Tạ Hữu Quý	53	1	2,0	Hai chẵn	quy	
14	049	23CH1B_27	Tum Tha Ra	54	1	2,0	Hai chẵn	ra	
15	050	23CH1C_29	Ngô Đại Tài	55	1	3,0	Ba chẵn	tai	
16	051	23CH1B_29	Trần Bình Tân	56	1	1,5	Một rưỡi	tan	
17	052	23CH1B_28	Nguyễn Văn Tân	57	1	1,5	Một rưỡi	tan	
18	053	23CH1A_35	Huỳnh Thông Thái	58	1	4,5	Bốn rưỡi	thai	
19	054	23CH1C_30	Huỳnh Nhật Thanh	44	1	5,5	Năm rưỡi	thanh	
20	055	23CH1C_32	Phạm Văn Thảo	45	1	5,0	Năm chẵn	thao	
21	056	23CH1B_32	Nguyễn Thị Anh Thư	46	1	2,0	Hai chẵn	thuthu	
22	057	23CH1A_40	Trần Văn Thúc	47	1	3,5	Ba chẵn	thuc	
23	058	23CH1B_33	Trương Minh Tiến	48	1	1,5	Một rưỡi	tien	
24	059	23CH1B_35	Nguyễn Bảo Trân	49	1	2,5	Hai rưỡi	trân	
25	060	23CH1C_36	Trần Quốc Trị	50	1	5,0	Năm chẵn	tri	
26	061	23CH1B_36	Huỳnh Quốc Trọng	36	1	3,5	Ba rưỡi	trung	
27	062	23CH1B_37	Võ Thái Tú	37	1	3,0	Ba chẵn	tu	
28	063	23CH1C_37	Trần Tiến Anh Tuấn	38	1	4,0	Bốn chẵn	tuân	
29	064	23CH1B_38	Nguyễn Thanh Tùng	39	1	3,5	Ba rưỡi	tung	
30	065	23CH1B_40	Lê Nguyễn Chấn Vĩ	40	1	2,5	Hai rưỡi	vi	
31	066	23CH1B_41	Hoàng Trần Khánh Vy	41	1	2,0	Hai chẵn	vy	
32	067	23CH1A_43	Huỳnh Nguyễn Tường Vy	42	1	7,0	Bảy chẵn	vy	
33	068	23CH1B_42	Trương Hải Yến	43	1	3,5	Ba rưỡi	yen	

DANH SÁCH HỌC SINH - SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC

Tên môn : **Kỹ thuật cao áp**

Học kỳ: 1

Khóa học : CDK2023

Năm học: 2024

Bậc đào tạo : Cao đẳng chính quy

Phòng thi:

Ngày thi : 13/12/2024

Giờ thi: 7.30

Lần thi: 1

STT	SBD	Mã số	Họ và tên	Số phách	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Ghi chú
1	001	23CH1B_01	Nguyễn Nhật Anh	26	1	1,5	Một lời	<i>[Signature]</i>	
2	002	23CH1B_02	Trần Quốc Anh	27	1	4,0	Bến chàn	<i>[Signature]</i>	
3	003	23CH1B_05	Võ Quốc Anh	28	1	6,5	Sáu lời	<i>[Signature]</i>	
4	004	23CH1A_01	Nguyễn Hoàng Bách	29	1	4,0	Bến chàn	<i>[Signature]</i>	
5	005	23CH1A_02	Trần Gia Bảo	30	1	3,0	Bachan	<i>[Signature]</i>	
6	006	23CH1A_03	Trần Huỳnh Quốc Bảo	31	1	5,5	Năm lời	<i>[Signature]</i>	
7	007	23CH1A_04	Nguyễn Duy Cường	32	1	7,0	Bảy chàn	<i>[Signature]</i>	
8	008	23CH1B_09	Thái Trung Đan	33	1	4,0	Bến chàn	<i>[Signature]</i>	
9	009	23CH1B_10	Bùi Hải Đăng	34	1	4,5	Bến lời	<i>[Signature]</i>	
10	010	23CH1C_09	Hồ Duy Đoan	35	1	2,5	Hai lời	<i>[Signature]</i>	
11	011	23CH1B_11	Võ Đại Đức	16	1	3,0	Bachan	<i>[Signature]</i>	
12	012	23CH1A_07	Đặng Hồ Thế Dũng	17	1	5,0	Năm chàn	<i>[Signature]</i>	
13	013	23CH1A_08	Phạm Văn Dương	18	1	3,5	Ba lời	<i>[Signature]</i>	
14	014	23CH1B_08	Mai Quốc Duy	19	1	4,5	Bến lời	<i>[Signature]</i>	
15	015	23CH1A_05	Nguyễn Khánh Duy	20	1	2,5	Hai lời	<i>[Signature]</i>	
16	016	23CH1A_11	Bùi Ngọc Hà	21	1	3,0	Bachan	<i>[Signature]</i>	
17	017	23CH1C_10	Nguyễn Phan Mai Hậu	22	1	7,5	Bảy lời	<i>[Signature]</i>	
18	018	23CH1A_14	Nguyễn Trung Hậu	23	1	3,0	Bến chàn	<i>[Signature]</i>	
19	019	23CH1B_12	Nguyễn Minh Hoàng	24	1	3,0	Bachan	<i>[Signature]</i>	
20	020	23CH1C_13	Nguyễn Thanh Hoàng	25	1	1,5	Một lời	<i>[Signature]</i>	
21	021	23CH1C_17	Đậu Mạnh Hùng	6	1	5,0	Năm chàn	<i>[Signature]</i>	
22	022	23CH1A_17	Ngô Gia Hưng	7	1	3,5	Ba lời	<i>[Signature]</i>	
23	023	23CH1A_15	Lê Huy	8	1	3,0	Bachan	<i>[Signature]</i>	
24	024	23CH1A_16	Nguyễn Chánh Huy	9	1	3,5	Ba lời	<i>[Signature]</i>	
25	025	23CH1A_18	Nguyễn Bảo Kha	10	1	5,0	Năm chàn	<i>[Signature]</i>	
26	026	23CH1A_19	Hồ Vũ Minh Khang	11	1	3,5	Ba lời	<i>[Signature]</i>	
27	027	23CH1B_14	Phạm Thành Khang	12	1	5,0	Năm chàn	<i>[Signature]</i>	
28	028	23CH1A_20	Nguyễn Đăng Khoa	13	1	4,0	Bến chàn	<i>[Signature]</i>	
29	029	23CH1B_16	Trần Hoàng Khương	14	1	3,0	Ba chàn	<i>[Signature]</i>	
30	030	23CH1B_17	Nguyễn Văn Kiệt	15	1	5,0	Năm chàn	<i>[Signature]</i>	
31	031	23CH1B_19	Lê Chí Minh	1	1	4,0	Bến chàn	<i>[Signature]</i>	
32	032	23CH1B_20	Lê Hoàng Nam	2	1	3,5	Ba lời	<i>[Signature]</i>	
33	033	23CH1A_25	Lê Hoàng Nam	3	1	4,5	Bến lời	<i>[Signature]</i>	
34	034	23CH1C_24	Phan Nguyễn Nhật Nam	4	1	4,0	Bến chàn	<i>[Signature]</i>	

035

23CH1B_21

Lê Trọng

Nghĩa

5

1

4,5

Bản viết

10/1

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 12 năm 2024

ông số:

35


Số sinh viên có mặt: 35

Số sinh vắng mặt: 00

Số bài thi: 35

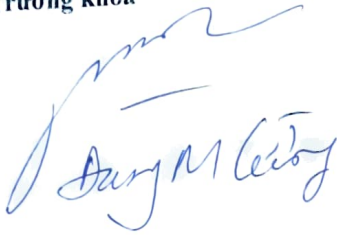
Số tờ giấy thi: 35

Giám thị 1

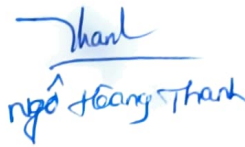

Nguyễn Nhân Giáp

Duyệt

Trưởng khoa


Dương M Cường

Giám thị 2


Ngô Hoàng Thanh

Thư ký khoa


Hồng Tuyết Ngân